TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2024/HS-ST
Ngày 12/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Nga

2. Ông Võ Văn Tốt

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa:

Bà Đoàn Thị Châu - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 12

Ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 189/2024/TLST – HS ngày 17 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 760/2024/QĐXXST-HS ngày 14/6/2024 đối với bị cáo:

1/ Họ và tên: Nguyễn Xuân T, sinh ngày: 10/9/2003 tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã Luận Thành, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T1 (đã chết) và bà Đỗ Thị D; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 08/4/2024 đến nay, có mặt.

2/ Họ và tên: Võ Xuân T2, sinh ngày: 18/8/2002 tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú hiện nay: 348 đường B, phường L, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Xuân C và bà Lê Thị H; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 08/4/2024 đến nay, có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm: 1995; nơi cư trú: số H, hẻm V, khu phố D, phường D, Thành phố T (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Phạm Vũ H1, sinh năm: 1999; nơi cư trú: 4 khu phố A, phường L, B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

2/ Ninh Thị Kim N, sinh năm: 1998; nơi cư trú: 348 B, L, B, Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị Kim T3 làm nhân viên quán masage "B" ở địa chỉ số C đường B, phường L, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai từ ngày 03/3/2023. Trong quá trình làm việc tại đây, T3 có vay mượn tiền của Bùi Cao L (quản lý của quán) số tiền 86.000.000 (tám mươi sáu triệu) đồng. Đến ngày 03/4/2023, T3 xin L cho T3 về Thành phố Hồ Chí Minh để nhờ gia đình lo tiền trả nợ thì L đồng ý. Sau khi T3 về Thành phố Hồ Chí Minh thì thuê nhà tại địa chỉ: số E tổ D, khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để ở và không quay lại quán. Ngày 05/4/2023, L gọi điện cho T3 nói nếu T3 không trả nợ thì sẽ bán Phạm Thị Mỹ A (do T3 giới thiệu A vào làm tại quán). Lúc này, T3 tiếp tục hỏi vay L thêm số tiền 10.000.000 đồng, tổng cộng T3 vay L 96.000.000 đồng, L đồng ý. Đến ngày 06/4/2023, Mỹ A nói với T3 là đã đi khỏi quán nên T3 nói Mỹ A về nhà trọ ở cùng T3. Tại đây, vào ngày 07/4/2023, A gửi vị trí và hình ảnh phòng trọ mà T3 đang ở cho L nhằm mục đích để cho L biết mà tìm T3 yêu cầu T3 về lại quán để làm việc và giải quyết tiền nợ, trong đó có số tiền 5.000.000 đồng mà A đứng ra mượn của L cho T3 vào ngày 03/4/2023, cũng như A muốn lấy giấy tờ và quần áo mà L đang giữ của an do A đứng ra mượn tiền L nhưng chị T3 chưa trả.

Vào khoảng 14 giờ 50 phút ngày 07/4/2023, Bùi Cao L kêu Nguyễn Xuân T (nhân viên phục vụ của quán) đi đến Thành phố Hồ Chí Minh để tìm bắt chị T3 về lại quán do chị T3 nợ tiền L không trả thì T đồng ý. Lúc này, L gửi vi trí và hình ảnh phòng trọ nơi chị T3 đang ở cho T rồi T thuê xe ô tô biển số 60K-048.43 do Phạm Vũ H1 làm chủ, chạy dịch vụ và rủ Võ Xuân T2 (nhân viên phục vụ của quán) đi cùng (chỉ nói là đi công việc tại Thành phố Hồ Chí Minh). Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, khi đến trước địa chỉ số E, tổ D, khu phố D, phường T, Quận A, xe ô tô Grab dừng đợi, T nói với T2 là vào bắt chị T3 về quán "B" để làm việc và trả nợ cho L thì T2 đồng ý. T2 đứng trước phòng trọ chờ, còn T xông vào phòng trọ, nắm tóc chị T3 kéo ra ngoài ép chị T3 lên xe ô tô biển số 60K-048.43 đang đậu bên ngoài với mục đích đưa chị T3 về lại quán. Chị T3 không đồng ý nên đã chống cự, la hét, vùng vẫy không chịu lên xe ô tô. Thấy chị T3 chống cự không chịu lên xe nên Võ Xuân T2 xông vào tát chị T3 một cái rồi phụ giúp T đưa chị T3 lên xe ô tô lần nữa, nhưng chị T3 vẫn tiếp tục la hét, chống cự, vùng vẫy không chịu vào xe ô tô. Tại đây, do nghe thấy chị T3 la hét, chống cự dữ dội nên người dân xung quanh gọi điện trình báo Công an phường T, Quận A đến đưa tất cả về trụ sở để làm việc.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q, Nguyễn Xuân T và Võ Xuân T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của T và T2 phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị Kim T3, Phạm Thị Mỹ A và Phạm Vũ H1.

Phạm Thị Mỹ A khai nhận, A được T3 giới thiệu vào làm tại quán B và A có đứng ra vay dùm T3 số tiền 5.000.000 đồng của L cho T3, L đang giữ căn cước công dân và đồ dùng cá nhân của mỹ an. Khi T3 nghỉ việc tại quán thì A cũng muốn nghỉ nên đã tự ý nghỉ và liên hệ gặp T3 để kêu Thùy trả nợ cho L cho để L trả lại đồ cho A, nhưng T3 không trả, nên A đã gửi vị trí chỗ của T3 cho L biết, mục đích để L đến lấy nợ từ T3 và trả lại giấy tờ tùy thân cho A, A không biết việc L kêu người đến bắt T3 về và L cũng không chỉ đạo A đi tìm T3.

Vật chứng thu giữ:

+ Xe ô tô biển số 60K-048.43. Qua xác minh xe thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Phạm Vũ H1. Trong quá trình điều tra xét không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q đã trả lại cho anh H1 (bút lục 164, 167-171);

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen, số Imei: 356721093412826 (thu giữ của bị can Nguyễn Xuân T – BL số 56).

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS màu trắng, số Imei: 356172090295483, (thu giữ của bị can Võ Xuân T2 – BL số 57).

+ 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh, số Imei 1: 865635043727616 (thu giữ của Phạm Thị Mỹ A – BL số 58).

+ 01 USB ghi nhận hình ảnh vụ việc (đính kèm hồ sơ vụ án).

Bản Cáo trạng số 164/CTr-VKS ngày 15/5/2024 Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân Quận 12 để xét xử bị cáo Nguyễn Xuân T, Võ Xuân T2 về tội "Bắt người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên lời khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Xuân T, Võ Xuân T2 đã nhận phạm tội "Bắt người trái pháp luật", lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu thể hiện tại hồ sơ vụ án, hành vi của bị cáo Nguyễn Xuân T, Võ Xuân T2 có đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự. Do đó Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T, Võ Xuân T2 phạm tội "Bắt người trái pháp luật" và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T, Võ Xuân T2 mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý theo quy định.

Bị cáo Nguyễn Xuân T, Võ Xuân T2 không có ý kiến gì đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định truy tố của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ phạm tội: Xét thấy, lời khai của bị cáo Nguyễn Xuân T, Võ Xuân T2 tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Ngày 07/4/2023, Nguyễn Xuân T và Võ Xuân T2 đã có hành vi dùng vũ lực khống chế ép buộc bắt chị Nguyễn Thị Kim T3 đưa lên xe ô tô nhằm mục đích đưa chị T3 về quán M "B" tại Thành phố B, tỉnh Đồng Nai trái với ý muốn của bị hại, hành vi của bị cáo T, T2 đã cấu thành tội “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tai khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Xuân T là người rủ rê bị cáo Võ Xuân T2 thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Võ Xuân T2 là người giúp sức cho bị cáo Nguyễn Xuân T, mặc dù giữa bị cáo Nguyễn Xuân T và Võ Xuân T2 không có sự bàn bạc thống nhất với nhau về việc bắt giữ bị hại nên hành vi của các bị cáo đồng phạm với tính chất giản đơn, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T, Võ Xuân T2 về tội “Bắt người trái pháp luật” là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Xuân T, Võ Xuân T2 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tự do đi lại của cá nhân được pháp luật bảo vệ, do đó các bị cáo phải chịu hình phạt trước pháp luật.

Xét về nhân thân bị cáo Nguyễn Xuân T, Võ Xuân T2: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng: không

Tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Về dân sự: Do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen, số Imei: 356721093412826, bị cáo T dùng để liên lạc với Bùi Cao L và Bùi Cao L gửi vị trí chị T3 cho bị cáo T bắt giữ, xét đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone XS màu trắng, số Imei: 356172090295483 thu giữ của Võ Xuân T2, xét không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho Võ Xuân T2.

Đối với 01 điện thoại di động Vivo màu xanh, số Imei 1: 865635043727616 (thu giữ của Phạm Thị Mỹ A) xét cần trả lại cho Phạm Thị Mỹ A.

[5] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Xuân T, Võ Xuân T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Đối với đối tượng Bùi Cao L: Có vai trò khởi xướng các bị cáo T, T2 phạm tội và là người chỉ điểm bị hại để bị cáo Nguyễn Xuân T đến bắt giữ bị hại, là người cho bị hại T3 vay tiền với mức lãi suất 20%/tháng.

Cơ quan điều tra Công an Q đã truy tìm nhưng chưa có kết quả, Hội đồng xét xử đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục truy tìm, điều tra và xử lý hình sự về hành vi bắt người trái pháp luật, cho vay nặng lãi theo quy định để tránh bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T, Võ Xuân T2 phạm tội "Bắt người trái pháp luật".

- Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ 08/4/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Võ Xuân T2 01 (một) năm 04 (bốn) tháng 04 (bốn) ngày tù.

Thời hạn tù tính từ 08/4/2023 (thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam).

Trả tự do cho bị cáo Võ Xuân T2 tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen, số I: 356721093412826.

Trả lại bị cáo Võ Xuân T2 01 điện thoại di động Iphone XS màu trắng, số Imei: 356172090295483.

Trả lại Phạm Thị Mỹ A 01 điện thoại di động Vivo màu xanh, số Imei 1: 865635043727616.

Theo Quyết định chuyển vật chứng số 135/QĐ-VKS ngày 15/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12.

* Về án phí: Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Xuân T, Võ Xuân T2 mỗi bị cáo chịu số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Q12;
- Chi Cục THADS Q12;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ XUÂN MAI

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**